

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỂU CẦN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2022/DSST

Ngày: 20/9/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng  
dân sự về góp hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Bé**
2. Ông **Nguyễn Minh Nhiễm**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Đặng Văn Thi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2997/2021/TLST-DS, ngày 24/3/2021; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2022/QĐXXST-DS, ngày 12/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 188/2022/QĐST-DS, ngày 26/8/2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị P, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Kim Thị Sa R, sinh năm 1968; Ông Thạch S, sinh năm 1961; Cùng cư trú: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, cùng vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị P trình bày:**

Vào tháng 12/2016, bà Kim Thị Sa R có tổ chức khui hụi, hình thức tham gia góp hụi được thỏa thuận như sau: Loại hụi 2.000.000 đồng, hụi khui theo vụ lúa, giữa chị và bà Sa R chỉ thỏa thuận bằng lời nói không làm văn bản. Chủ hụi có giao danh sách hụi viên cho chị theo dõi, huê hồng cho chủ đầu thảo hưởng ở mỗi lần khui là 800.000 đồng, hụi gồm 18 phần, chị tham gia 01 phần, hụi này khui được 11 lần đến lần khui thứ 12 thì bà Sa R tuyên bố úp hụi không khui hụi nữa, cụ thể chị đóng hụi sống từ lần khui thứ 01 đến lần khui thứ 11 với tổng số

tiền 13.530.000 đồng. Sau đó, bà Sa R có gửi trả cho chị được số tiền 1.500.000 đồng còn nợ lại 12.030.000 đồng. Việc mở hội này chồng bà Sa R là ông Thạch S cũng biết. Chị Thạch Thị P yêu cầu bà Kim Thị Sa R cùng chồng là ông Thạch S có nghĩa vụ trả cho chị số tiền hội sống mà chị đã góp trong 11 lần bằng 12.030.000 đồng. Chị P không yêu cầu tính lãi và yêu cầu xét xử vắng mặt chị.

**Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Kim Thị Sa R trình bày:**

Bà thừa nhận có tổ chức làm chủ đầu thảo dây hội nêu trên với nội dung và hình thức như chị P trình bày, chị P có tham gia góp chơi hội, góp hội sống như chị P khai. Do nhiều hội viên trong các dây hội không góp hội chết đầy đủ nên bà không còn khả năng choàng hội và tuyên bố úp hội cùng ở lần khai thứ 12.

Bà Sa R thừa nhận số tiền chị P góp hội sống trong 11 lần 13.530.000 đồng. Sau khi bế hội bà có gửi cho chị Phụng số tiền 1.500.000 đồng còn nợ lại 12.030.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền này khi đi gom được tiền của các hội viên. Bà không thừa nhận việc chồng bà là ông S có biết việc chơi hội nên không có trách nhiệm trả nợ cùng bà.

**Đối với bị đơn ông Thạch S:** Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập nhưng ông S không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị P nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà ông S và chị P đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

**Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:** Bà Kim Thị Sa R thống nhất số tiền chị P đã góp hội sống trong dây hội bà làm chủ đầu thảo và bà còn nợ chị P số tiền hội 12.030.000 đồng như chị P yêu cầu.

**Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:** Chị P yêu cầu chồng bà Sa R là ông Thạch S có trách nhiệm cùng trả số tiền nợ hội, bà Sa R không đồng ý, ông S vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị P.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội”. Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Chị Thạch Thị P vắng mặt có đơn xin vắng mặt đúng theo quy định của pháp luật; Bị đơn bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị P, bà Sa R, ông S.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Thạch Thị P và bà Kim Thị Sa R có lời khai thống nhất xác định: Bà Kim Thị Sa R có làm chủ đầu thảo hụi, chị Thạch Thị P có tham gia trong dây hụi do bà Sa R mở, chị Phụng có đóng tiền hụi sống như chị P đã khởi kiện bằng 13.530.000 đồng. Sau đó bà Sa R có gửi trả cho chị P số tiền 1.500.000 đồng. Số tiền hụi sống bà Sa R còn phải trả cho chị P là 12.030.000 đồng.

[3] Xét thấy: Bà Kim Thị Sa R thừa nhận có làm chủ đầu thảo hụi và chị Thạch Thị P có tham gia góp hụi, bà Sa R còn nợ chị P với số tiền 12.030.000 đồng. Bà Sa R, chị P xác định dây hụi nêu trên đã bể hụi, bà Sa R cũng thừa nhận còn nợ số tiền hụi sống của chị P đã đóng. Do hụi đã bể, bà Sa R không khai hụi tiếp nên chủ đầu thảo là bà Kim Thị Sa R phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền hụi sống như chị P yêu cầu. Bà Sa R cho rằng bà chỉ trả nợ khi các hụi viên khác trả tiền hụi cho bà là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với ông Thạch S mặc dù không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện với chị Phụng, nhưng Tòa án có thông báo về việc chị P khởi kiện và yêu cầu của chị P nhưng ông Thạch S không có ý kiến về nội dung chị P đã khởi kiện, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án. Khi bà Sa R làm chủ đầu thảo hụi là trong thời kỳ hôn nhân và ông S vẫn sống chung nhà nên việc bà Sa R cho rằng ông Thạch S không biết là không có căn cứ và ông Thạch S cũng không có ý kiến về nghĩa vụ của mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ buộc bà Sa R cùng ông Thạch S phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị P với số tiền 12.030.000 đồng. Chị Thạch Thị P không có yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[4] Xét thấy ông Thạch S thuộc diện người cao tuổi nhưng ông S không có đơn xin miễn án phí nên buộc bà Sa R, ông S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Thạch Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147 và Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi biểu phượng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị P.

Buộc bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S có trách nhiệm liên đới trả cho chị Thạch Thị P tiền hui sống đã góp bằng 12.030.000 đồng (Loại hui 2.000.000 đồng, hui mở vào tháng 12/2016, hui khui theo vụ lúa). Chị Thạch Thị P không yêu cầu tính lãi.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc bị đơn bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S phải chịu 601.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Thạch Thị P không phải chịu án phí; Hoàn trả cho chị Thạch Thị P số tiền tạm ứng án phí 338.250 đồng theo biên lai thu tiền số 0002036, ngày 15/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

**3. Về quyền kháng cáo:** Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tú Trinh**

